TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2020
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Trường.

2. Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 171/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2020 và quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 16/2020/QĐ-TĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1980; *nơi cư trú*: Tổ 1, thôn 5, xã M, huyện Đ, tỉnh B.

- *Bị đơn*: Chị Huỳnh Thị C, sinh năm 1981; *nơi đăng ký HKTT*: Xã Hồng Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh B; *nơi cư trú trước khi biệt tích*: Tổ 1, thôn 5, xã M, huyện Đ, tỉnh B.

Tại phiên tòa có mặt anh H, vắng mặt chị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện lập ngày 29 tháng 4 năm 2020, bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Quang H trình bày: Anh và chị Huỳnh Thị C kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh

B. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 5/2009 thì chị C tự H bỏ nhà ra đi nhưng anh không rõ lý do, anh đã đi tìm khắp nơi nhưng vẫn không có tin tức gì về chị C. Sau đó, anh đã nộp đơn yêu cầu tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B để yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Huỳnh Thị C mất tích và đã được Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 02/2020/QĐST-DS, ngày 07/02/2020.

Từ ngày Tòa án tuyên bố chị C mất tích cho đến nay thì anh vẫn không nghe thấy tin tức gì về chị C. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Huỳnh Thị C.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện và thụ lý vụ án: Nguyên đơn làm đơn khởi kiện và Tòa án đã thụ lý vụ án là đúng pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để kết luận đây là quan hệ pháp luật ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Bị đơn chị Huỳnh Thị C bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2020/QĐST-DS, ngày 07/02/2020. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quang H và chị Huỳnh Thị C kết hôn vào năm 2005 tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh B. Đến tháng 5/2009, chị C bỏ nhà ra đi mặc dù anh H đã đi tìm khắp nơi nhưng vẫn không có tin tức gì về chị C. Anh H làm đơn yêu cầu tuyên bố chị C mất tích và đã được Tòa án nhân dân huyện Đ chấp nhận tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2020/QĐST-DS, ngày 07/02/2020. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là đúng pháp luật.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Quang H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét trong bản án này.

[3] Về án phí: Cần buộc anh H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quang H ly hôn chị Huỳnh Thị C.

2/ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Quang H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét trong bản án này.

3/ Về án phí: Buộc anh Nguyễn Quang H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003604 ngày 11/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh B. Anh H đã nộp đủ án phí DSST.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (15/7/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Đ,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

-Chi cục THA dân sự huyện Đ,
-UBND xã M,
-Các đương sự, *Đã ký*
-Lưu qđ, hồ sơ.

Huỳnh Văn Thuận